

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH T**

Số:78/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TT, ngày 16 tháng 06 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 112/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 05 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị B; sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn VC 2, xã HQ, TP. T, tỉnh T.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn QT, xã TQ, huyện TT, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 06 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 06 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phan Thị B và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Q; sinh ngày 22/10/2003 và Nguyễn Thị P ; sinh ngày 01/01/2010. Sau khi ly hôn Anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Q và cháu P cho đến khi các cháu trưởng thành.

Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. Chị B được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản: Chị Phan Thị B và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị B chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT, theo biên lai số AA/2018/0003117 ngày 19/05/2021. Chị Phan Thị B được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- UBND xã TQ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Văn Quân